

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY PHONG
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2018/DSST

Ngày 06/7/2018

V/v “Tranh chấp hợp
đồng mua bán tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY PHONG

-Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lý Văn Lấy

Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Hưng Quang

2. Ông Nguyễn Trọng Di

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiêm Uyên– Thư ký
Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong tham gia phiên tòa: Bà
Phạm Thị Bích Dung - Kiểm sát Viên

Trong ngày 06 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong
xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số:253/2017/TLST-DS, ngày 11/12/2017
của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong, về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài
sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2018/QĐST-DS, ngày 21/3/2018 của
Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong, giữa các đương sự:

1/Nguyên đơn: Bà **Phùng Thị Hiệp T**, sinh năm 1968; Địa chỉ: khu phố 3, thị
trấn Liên Hương, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận; có mặt

2/ Bị đơn: Ông **Lê Thanh T1**, sinh năm 1968; Địa chỉ: xóm 02, xã Bình Thạnh,
huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận; có mặt

3/ Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông **Trương Thanh H**, sinh năm
1952; xóm 02, xã Bình Thạnh, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận; có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện gửi đến Tòa án ngày 10/11/2017 và những lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Phùng Thị Hiệp T trình bày: Nguyên vào tháng 8 năm 2017 bà không nhớ rõ ngày ông Lê Thanh T1 có đến Cửa hàng VLXD Bé Ba do bà làm chủ đặt vấn đề mua 80 bao xi măng loại xi măng Phúc Sơn PC40 và các vật liệu khác, hai bên đã thống nhất giá cả. Đến 06 ngày sau khoảng 09, 10 giờ bà thuê xe cải tiến của ông Trần Văn Phiệt cùng ông Phạm Ca là người bốc đến nhà kho Mỹ Phố bốc chở 80 bao xi măng trên qua đất rẫy xóm 1, xã Bình Thạnh giao cho ông T1, người nhận hàng thay ông T1 là ông Trương Thanh H, theo chủ xe và người bốc hàng nói lại, khi đến nơi ông H có kiểm tra hàng và xác nhận nhận đủ 80 bao xi măng, rồi có dặn ông H che chắn cho kỹ vì hôm đó trời đang kéo mây, ông H đã nhận số xi măng trên coi như việc mua bán đã hoàn thành, do tin tưởng nhau nên giữa bà và ông T1 chỉ trao đổi miệng và cũng không xuất hóa đơn mua bán hàng. Sang ngày hôm sau (tức sau ngày nhận xi măng) ông T1 gọi điện báo cho bà “tại sao bán xi măng chết” sau khi

nghe ông T1 nói vậy thì lập tức bà mới cử cô Huệ là nhân viên bán hàng cùng ông Ca (tên gọi khác là Phi) người bốc hàng lên kho hàng để kiểm tra nhãn mác và chất lượng của 65 bao xi măng còn lại của lô hàng 145 bao tại kho nhà Mỹ Phố, khi đó cô Huệ và anh Phi đều xác nhận là xi măng đạt chất lượng tốt và 02 người này đến nhà ông H kiểm tra 80 bao xi măng đã chở đi, cô Huệ và anh Phi có kiểm tra không có vấn đề gì cả và gặp ông T1 để nói chuyện nhưng ông T1 lơ lơ, cho nên không có việc bà cho xe chở xi măng bị chết cho ông T1 được. Xi măng chết là do ông T1 và ông H sau khi nhận hàng không che chắn, bảo quản kỹ cho nên thấm nước mưa, được biết đêm hôm đó trời mưa rất to. Do vậy, việc xi măng chết không do lỗi của bà mà lỗi hoàn toàn là do ông T1 và ông H, vì lúc nhận hàng ông H có kiểm tra và không có vấn đề gì cả, bà là người kinh doanh nên không thể lừa khách hàng như vậy được.

Tại tòa hôm nay, bà yêu cầu buộc 01 mình ông T1 phải hoàn trả tiền xi măng và chi phí liên quan khác với số tiền là 6.820.000đ (sáu triệu, tám trăm hai chục ngàn đồng) theo hóa đơn ghi ngày 31/8/2017 mà bà đã cung cấp cho Tòa, tôi có cung cấp cho Tòa một số người làm chứng biết sự việc để Tòa án xác minh làm rõ xem xét và giải quyết cho công bằng. Bà không đồng ý nhận 50% số tiền mà ông T1 đòi bồi hoàn trả cho tôi.

Bà xác định giá xi măng tại thời điểm giao dịch là 77.500đ/bao, hiện nay còn bao nhiêu bao xi măng tại nhà ông H tôi không rõ, bà bán 80 bao thì bà yêu cầu tính giá trị của 80 bao, còn hư hỏng như thế nào thì bà không biết, nếu ông T1 nói còn 70 bao xi măng hư còn ở tại nhà ông H thì bà đề nghị Tòa án thành lập Hội đồng thẩm định để xem xét thẩm định tại chỗ, bà đồng ý nộp tạm ứng chi phí, sau này ai thua kiện thì người đó phải chịu chi phí. Ngoài ra bà không có ý kiến hay yêu cầu gì thêm.

Bị đơn ông Lê Thanh T1 trình bày: Ông xác nhận vào trong ngày tháng 8 năm 2017 ông không nhớ cụ thể, do chỗ bà con quen biết với bà Phùng Thị Hiệp T nên ông có đến Cửa hàng VLXD Gái Ba của bà T đặt vấn đề mua một số vật liệu xây dựng trong đó có 80 bao xi măng loại xi măng Phú Sơn PC40, số VLXD này là ông đặt mua dùm cho ông Trương Thanh H là anh em cùng mẹ khác cha với ông cũng ở Bình Thạnh. Sau khi bà T và ông thống nhất giá cả xong nhưng bà T không xuất hóa đơn bán hàng, đến khoảng 5, 6 ngày sau ông không rõ giờ nào thì bà T cho người chở vật liệu tới địa điểm tại nhà ông H và ông H là người nhận nhưng bà T không gọi báo cho ông tới để kiểm tra vật liệu như thế nào trong khi ông H chỉ biết nhận đủ chứ không chú ý đến chất lượng vật liệu ra sao. Lẽ ra bà T phải điện báo trực tiếp cho ông để tới nhận hàng, đồng thời để ông kiểm tra. Ngày hôm sau (sau ngày nhận) khi nghe ông báo xi măng chết thì bà T cho người chở 10 bao xi măng chết đổi lại 10 bao xi măng khác chở về để bù số xi măng chết sau khi hoàn tất công trình thì sẽ trừ lại việc này bà T chỉ báo cho ông H biết trong khi bà chưa bàn bạc gì với ông.

Ông không đồng tình với cách làm ăn của bà T, bà đổ lỗi hoàn toàn cho ông là vô căn cứ, ông không đồng ý bồi hoàn đúng số tiền bà T đi kiện ông là 6.820.000đ, ông chỉ đồng ý bồi hoàn 50% số tiền bà T khởi kiện ông, vì theo ông trong vụ việc này cả hai cùng có lỗi chứ không riêng ai.

Ông thống nhất giá xi măng tại thời điểm giao dịch là 67.000đ/bao, hiện 70 bao xi măng này đã chết không sử dụng được, tôi không yêu cầu thẩm định hay định giá gì cả. Ngoài ra ông không có ý kiến hay yêu cầu gì thêm.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Trương Thanh H trình bày: Vì là chỗ anh em cùng mẹ khác cha với ông Lê Thanh T1 nên vào mùng 6 tháng 8 năm 2017 (AL), ông có nhờ ông T1 đi mua dùm vật liệu xây dựng để ông xây nhà, ông T1 đồng ý, thì giữa ông T1 và người bán thương lượng như thế nào thì ông không rõ, đến trưa

hôm đó khoảng 10, 11 giờ xe chở xi măng tới, lúc đó có tài xế xe và 02 người bốc xếp bà không rõ tên tuổi khi đó ông có kiểm tra vật liệu trong đó có 80 bao xi măng ông cho người bốc xếp để gọn đầu ra đó, rồi ông dùng tấm bạc che phủ lại sợ mưa ướt, do chiều tối ngày hôm đó trời mưa rất to, sáng hôm sau ông mới kiểm tra xi măng không thấy ướt mà thấy chỗ cứng chỗ mềm ông nghĩ chất là xi măng hư, lập tức ông báo cho ông T1 biết để ông gọi báo cho người bán biết, bà T nghe ông báo vậy nên mới kêu người làm công cho bà lên để kiểm tra đúng là xi măng bị như vậy, rồi bà cho xe chở 10 bao xi măng khác đổi 10 bao hư để ông xây dựng. Ông xác định hôm xi măng xuống xe ông không có kiểm tra xi măng cứng hay mềm như thế nào mà ông chỉ đếm số lượng bao nhiêu bao thôi (là 80 bao). Hiện tại xi măng hư này vẫn còn ở nhà ông là 70 bao không sử dụng được. Ngoài ra ông không có ý kiến hay yêu cầu gì thêm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong phát biểu:

- Việc kiểm sát tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký: Các bước của quá trình chuẩn bị xét xử, việc thu thập chứng cứ và trình tự thủ T1 tại phiên tòa của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Quan điểm Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 147, 157 và Điều 165 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 430, 436, 440, 441 của Bộ Luật dân sự năm 2015; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2009/PL-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, sử dụng và quản lý án phí, lệ phí Tòa án;; Pháp lệnh số 02/2012/UBTVQH13 ngày 28/3/2012 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định chi phí giám định, định giá; chi phí cho người làm chứng, người phiên dịch trong tố tụng.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phùng Thị Hiệp T đối với ông Lê Thanh T1 về việc “ Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”

Buộc ông T1 phải hoàn trả cho bà T 60% giá trị 80 bao xi măng Phúc Sơn PC40 và các khoản phí phí hợp lý khác.

Về án phí: Đương sự phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Tại giai đoạn hòa giải cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Phùng Thị Hiệp T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ông Lê Thanh T1 và đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông T1 phải hoàn trả cho bà giá trị 80 bao xi măng Phúc Sơn PC40 và chi phí khác với số tiền 6.820.000 đồng. Ông T1 thừa nhận có mua 80 bao xi măng Phúc Sơn PC40 của bà T nhưng ông chỉ đồng ý một phần yêu cầu của bà T tức 50% giá trị 80 bao xi măng Phúc Sơn PC40 và các chi phí khác. Đây là giao dịch dân sự thuộc tranh chấp hợp đồng dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ Luật tố tụng dân sự và được xác định quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” được điều chỉnh bởi Bộ Luật dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Hội đồng xét xử xét thấy: Để chứng minh cho yêu cầu của nguyên đơn là căn cứ và hợp pháp, tại giai đoạn hòa giải cũng như tại phiên tòa bà Phùng Thị Hiệp T có

cung cấp cho Tòa hóa đơn mua hàng đề ngày 31/8/2017 và một số người làm chứng biết sự việc bà bán vật liệu xây dựng trong đó có 80 bao xi măng Phúc Sơn PC40 cho ông Lê Thanh T1 để làm căn cứ giải quyết vụ án. Ông T1 không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì mà chỉ đưa ra lý lẽ của mình để phản bác yêu cầu của nguyên đơn. Ngoài ra các đương sự không ai cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ nào khác và đề nghị Tòa căn cứ theo quy định của pháp luật để giải quyết.

Xét các lời trình bày của người làm chứng do bà T cung cấp như ông Trần Thế Phiệt, ông Ngô Cu, ông Phạm Ca, bà Phạm Thị Mỹ Phổ. Các ông Phiệt, ông Cu, ông Ca đều xác nhận là có việc bà T thuê các ông chở 80 bao xi măng Phúc Sơn PC40 tới nhà ông Trương Thanh H ở xóm 1, xã Bình Thạnh để bỏ và các ông đều xác nhận xi măng chở đi là xi măng có nhãn mác, đạt chất lượng, không có bị khô cứng (hư), khi tới nơi thì có ông H là người kiểm tra và nhận đủ số lượng, không có ý kiến vấn đề gì cả đối với 80 bao xi măng này cả. Những người chở và bốc xếp có dặn ông H tủi tẩm bạt và che chắn cho kỹ sau khi giao xong, vì hôm đó trời sắp đổ mưa. Riêng bà Phổ khai bà là người trực tiếp mua xi măng hiệu Phúc Sơn P40 hơn 150 bao của bà T từ Công ty chở tới do xây dựng còn dư nên bà T kêu người tới chở giao cho ông T1, bà xác nhận lô xi măng này bà xây dựng bình thường không có đề gì cả.

Ông T1 cho rằng bà T cho người chở xi măng bị hư (khô cứng) cho ông, bằng chứng ông đưa ra, vào buổi sáng hôm sau (sau ngày chở xi măng) khi ông kiểm tra thấy xi măng khô cứng (chỗ cứng, chỗ khô) gần như toàn bộ nên ông mới báo cho bà T để xử lý, rồi bà T có cho người chở 10 bao đổi 10 bao xi măng khác cho ông H xây đỡ. Nguyên nhân ông T1 đưa ra xi măng hư là do đã hư trước khi chở tới chứ không phải do trời mưa ướt dẫn đến hư. Còn bà T đưa ra chứng cứ nguyên nhân xi măng hư là do ông H bảo quản không kỹ nên bị ướt dẫn đến xi măng bị hư tại vì tối hôm đó trời mưa rất to, đồng thời người bà thuê chở và bốc xếp đều xác nhận 80 xi măng này là xi măng đạt chất lượng, không khô cứng. Xét thấy, các chứng cứ mà các bên đương sự đưa ra ai cũng có cái lý của mình nhưng chứng cứ mà bà T đưa ra để bảo vệ quyền lợi cho bà có phần bảo đảm hơn, vì các người làm chứng đều xác nhận xi măng tốt, và lại tối hôm đó trời mưa rất to các đương sự đều xác nhận việc này. Còn ông T1 không đưa ra bằng chứng xác thực, ông chỉ bày tỏ bằng lý lẽ của mình nhưng không có gì chứng minh.

Đồng thời khi ông T1 phát hiện xi măng bị hư và báo cho bà T thì giữa bà T và ông T1 không trực tiếp gặp mặt nhau để xác định nguyên nhân và tìm ra hướng sớm khắc phục, giải quyết cho triệt để tại thời điểm đó mà hai bên chỉ thông tin với nhau qua điện thoại đến khi số xi măng này đã hư hỏng toàn bộ thì không còn cách để khắc phục nữa dẫn đến thiệt hại hoàn toàn điều này gây khó khăn cho việc xác định nguyên nhân. Cho nên để cần xác định rõ nguyên nhân thì phải nhờ đến cơ quan có chức năng giám định, nhưng xét thấy nếu đưa ra giám định thì chi phí sẽ cao hơn so với giá trị tài sản tranh chấp nên không nhất thiết phải giám định nguyên nhân hư mà chỉ vận dụng vào các chứng cứ khác có trong hồ sơ để xem xét đánh giá.

Xét cho cùng sự việc xảy dẫn đến tài sản bị thiệt hại thì do hai bên cùng có lỗi, tức hai bên đều không đưa ra chứng cứ chứng minh xi măng bị hư là do đâu, thứ hai do quá tin tưởng nhau trong quá trình giao dịch không tuân thủ chặt chẽ quy trình mua bán như không xuất trình hóa đơn mua hàng và bên bán không yêu cầu bên nhận kiểm tra số lượng, chất lượng sau khi bàn giao, cho nên khi xảy ra thiệt hại thì hai bên cùng phải chịu lỗi nhưng lỗi phần nhiều là do bên ông T1 và ông H, bởi lý do: Xi măng đã giao đến nơi và đã có người nhận là ông H, trong khi ông H là người đủ hành vi nhận thức và biết rõ số lượng, chất lượng và việc này buộc ông H phải biết sau khi nhận hàng, ông H cho rằng ông chỉ kiểm tra số lượng mà không kiểm tra đến chất lượng như thế

nào là điều hết sức vô lý, theo Điều 441 Bộ luật dân sự quy định về thời điểm chịu rủi ro “... bên mua chịu rủi ro đối với tài sản kể từ thời điểm nhận tài sản...”, mặc dù ông T1 không trực tiếp nhận nhưng ông H thay mặt ông T1 nhận, vì vật liệu này dùng xây nhà cho ông H nên ông H nhận cũng được không nhất thiết ông T1 phải là người nhận, do hai bên không thỏa thuận nào khác nên bên mua phải chịu rủi ro sau khi nhận. Còn việc bà T buôn bán không xuất trình hóa đơn chứng từ khi giao hàng, việc này do tin tưởng chỗ quan hệ bà con, đồng thời cũng do tập quán của mỗi địa phương và hơn nữa số lượng tài sản không có lớn cho nên việc giao dịch bằng miệng cũng là một hợp đồng dân sự được pháp luật công nhận không nhất thiết phải xuất hóa đơn, chứng từ như ông T1 khai.

Từ những phân tích, nhận định như trên đủ căn cứ xác định trong vụ án này các bên đều có phần lỗi nhưng lỗi phần nhiều thuộc về phía ông T1 và ông H như đã phân tích ở trên, vì vậy căn cứ mức độ lỗi và giá trị tài sản bị thiệt hại nên buộc ông T1 phải chịu 80% phần giá trị tài sản bị thiệt hại và bà T chịu 20% phần giá trị tài sản bị thiệt hại.

Giá trị tài sản tranh chấp Hội đồng định giá xác định 01 bao xi măng Phúc Sơn PC40 với giá 79.500đồng cho nên $80 \text{ bao} \times 79.500\text{đ}/1 \text{ bao} = 6.360.000\text{đồng}$ và giá trị tài sản theo hóa đơn nguyên đơn cung cấp 80 bao xi măng giá trị 6.200.000đồng, xét giá trị tài sản do Hội đồng định giá xác định so với giá trị tài sản theo hóa đơn tại thời điểm bán có sự chênh lệch nhưng không đáng kể nên căn cứ vào giá Hội đồng định giá đã định giá để làm căn cứ giải quyết vụ việc.

Đối với số tiền thuê xe chở và tiền công bốc xếp mà bà T yêu cầu, tại phiên tòa giữa bà T và ông T1 đều xác nhận đã tính tiền thuê xe chở và tiền bốc xếp của 10 bao xi măng lúc đòi trả, chỉ còn 70 bao là chưa tính, vậy chi phí thuê xe chở $300.000\text{đồng}/70 \text{ bao}$ và tiền công bốc xếp của 70 bao là 280.000đồng, xét thấy đây là khoản chi phí hợp lý nên chấp nhận.

Cộng hai khoản giá trị 80 bao xi măng Phúc Sơn PC40 và tiền chi phí khác buộc các bên đương sự phải chịu. Tức ông T1 phải chịu $6.940.000\text{đ} \times 80\% = 5.552.000\text{đồng}$, bà T phải chịu $6.940.000\text{đ} \times 20\% = 1.388.000\text{đồng}$.

Xét thấy, ông T1 là người đứng ra giao dịch với bà T, bà T chỉ biết ông T1 mua vật liệu của bà T nên bà T khởi kiện ông T1 là có căn cứ. Còn việc ông T1 mua vật liệu giùm cho ông H thì giữa ông T1 và ông H là một quan hệ khác nên ông T1 được quyền khởi kiện ông H bằng một án dân sự khác (nếu có yêu cầu).

[3] Về phần án phí: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận một phần nên mỗi bên đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[4] Về chi phí định giá tài sản: Bà T đã tạm nộp 1.000.000đồng chi phí định giá, số tiền này đã chi phí hợp lý cho việc định giá tài sản, xét thấy yêu cầu của bà T được chấp nhận một phần nên mỗi bên phải chịu 50% chi phí định giá, vì vậy buộc ông T1 phải trả lại 50% chi phí định giá cho bà T.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 144, 147, 157 và Điều 165 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 430, 441 và Điều 357 của Bộ Luật dân sự năm 2015; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, sử dụng và quản lý án phí, lệ phí Tòa án; Pháp lệnh số 02/2012/UBTVQH13 ngày

28/3/2012 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định chi phí giám định, định giá; chi phí cho người làm chứng, người phiên dịch trong tố tụng.

-Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phùng Thị Hiệp T đối với ông Lê Thanh T1 về việc “ tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”

Buộc ông Lê Thanh T1 phải hoàn trả cho bà Phùng Thị Hiệp T số tiền **5.552.000đồng** (năm triệu năm trăm năm mươi hai ngàn đồng))

-Về án phí: Buộc ông Lê Thanh T1 phải nộp **300.000đ** (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm;

Bà T phải nộp **300.000đ** (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Bà T nộp **300.000đ** (ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí tại biên lai thu số 0014232 ngày 06/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy Phong. Bà T nộp đủ án phí.

-Về chi phí định giá: Buộc ông Lê Thanh T1 phải hoàn trả lại cho bà Phùng Thị Hiệp T số tiền **500.000đ** (năm trăm ngàn đồng) chi phí định giá tài sản.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất như sau:

+ Trường hợp các bên thỏa thuận thì mức lãi suất không vượt quá 20%/năm.

+ Trường hợp các bên không thỏa thuận thì mức lãi suất là 10%/năm.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKSND (tỉnh + huyện);
- Tòa án tỉnh;
- Các đương sự;
- THA Huyện;
- Lưu HS.

Lý Văn Lầy